

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM CỎ ĐÔNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- 158 HS/ 03 lớp - Trong đó: * 02 lớp Bán trú và 01 lớp Hai buổi. * 03 lớp TA ĐA. * 02 lớp học Tin học.	- 180 HS/ 04 lớp - Trong đó: * 03 lớp Bán trú và 01 lớp Hai buổi. * 04 lớp TA ĐA. * 04 lớp học Tin học.	- 243 HS/ 05 lớp - Trong đó: * 03 lớp Bán trú và 02 lớp Hai buổi. * 05 lớp TA ĐA. * 05 lớp học Tin học.	- 285 HS/ 06 lớp - Trong đó: * 02 lớp Bán trú và 04 lớp Một buổi. * 02 lớp TA ĐA và 04 lớp TA Tự chọn. * 06 lớp học Tin học.	- 284 HS/ 06 lớp - Trong đó: * 02 lớp Bán trú và 04 lớp Một buổi. * 02 lớp TA ĐA và 04 lớp TA Tự chọn. * 06 lớp học Tin học.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Đảm bảo dạy và học đúng theo tinh thần Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT và Công văn số 896/BGDĐT-GDTH				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường thực hiện nghiêm túc Luật Giáo dục (Bổ sung năm 2005) và yêu cầu học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ học sinh theo tinh thần Thông tư số 30/2014/BGDĐT và Thông tư 22/2016/BGDĐT; Văn bản số 4056/GDĐT-TH và Văn bản số 1677/GDĐT-TH.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa để tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em tham gia vui chơi và học tập rèn luyện kỹ năng sống cho mình.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Nhà trường cam kết học sinh của trường qua mỗi năm học sẽ đạt được sức khỏe tốt để hỗ trợ cho việc học tập cũng như tham gia các công tác xã hội ở địa phương.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Sau 05 năm học tại trường, học sinh sẽ được trang bị kiến thức cơ bản vững chắc để tiếp tục học tốt ở bậc Trung học cơ sở.				

Quận 8, ngày 07 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Mai

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM CỎ ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/24	48,64 m ² / 48 học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	20	48,64 m ² /phòng
2	Phòng học bán kiên cố	/	/
3	Phòng học tạm	/	/
4	Phòng học nhờ, mượn	/	/
III	Số điểm trường lẻ	01	995 m ²
IV	Tổng diện tích đất (m²)	02	2175 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	02	1180 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		1013 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	20	972,8 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	01	40,32 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	/	/
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	/
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	/
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	/	/
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	/	/
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	/
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	/	/
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	456	456 bộ/24 lớp
1.1	Khối lớp 1	165	165 bộ/3 lớp
1.2	Khối lớp 2	116	116 bộ/4 lớp
1.3	Khối lớp 3	45	45 bộ/5 lớp
1.4	Khối lớp 4	79	79 bộ/6 lớp
1.5	Khối lớp 5	51	51 bộ/6 lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/
2.1	Khối lớp 1	0	0/
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	20	20
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	1150 HS / 60 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	01 /01
2	Cát xét	02	02 /05
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	01 /01
5	Thiết bị khác...	78	/
	- Giá treo tranh	05	
	- Bảng nhóm	60	
	- Bảng phụ	13	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	01 (60,32 m ²)
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	/	08/09	/	102 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 07 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Mai

8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Khác	5				1		4							

Quận 8, ngày 07 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Mai